

Số: /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính  
lĩnh vực Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết  
của tỉnh Hòa Bình năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Thực hiện Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1646/TT-SCT ngày 04/8/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính (07 thủ tục gồm 05 thủ tục cấp tỉnh; 02 thủ tục cấp huyện) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Hòa Bình.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan:

1. Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền xử lý sau khi được Chính phủ, Bộ, ngành thông qua.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NVK (Ng.15b)

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Khánh**

## **Phụ lục**

# **PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH HÒA BÌNH** (kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

## **I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

### **1. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Kiến nghị: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ “*chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng*” của các chuyên gia tư vấn trong mục thành phần hồ sơ.

- Lý do: cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết nhằm giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

#### **1.2. Kiến nghị thực thi**

- Kiến nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực (kiến nghị bỏ thành phần hồ sơ của TTHC).

#### **1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.330.200 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.824.250 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 505.950 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,1%.

### **2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

#### **2.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Kiến nghị: Bãi bỏ thành phần hồ sơ yêu cầu nộp: *Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của từng địa điểm kinh doanh, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất.*

- Lý do: cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết nhằm giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

#### **2.2 Kiến nghị thực thi**

- Kiến nghị sửa đổi Điểm e, Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hóa chất. Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của từng địa

điểm kinh doanh, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất.

### **2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.224.320 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.849.560 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 374.760 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,17 %

## **3. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

### **3.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Kiến nghị: Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ yêu cầu nộp: *Phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.*

- Lý do: cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết nhằm giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

### **3.2 Kiến nghị thực thi**

- Kiến nghị sửa đổi Điểm b, Khoản 4, Điều 10, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hóa chất. Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: Phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.

### **3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.506.600 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.469.140 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 37.460 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,49%.

## **4. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG**

### **4.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Kiến nghị: Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: *Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.*

- Lý do: cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết, giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

### **4.2 Kiến nghị thực thi**

- Kiến nghị sửa đổi khoản 3, điều 38, Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

### **4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.015.300 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.684.350 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 330.950 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,13%

## **5. Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá**

### **5.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Kiến nghị: đề nghị bãi bỏ yêu cầu, điều kiện khi thực hiện TTHC: *Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.*

- Lý do: Cắt giảm điều kiện không cần thiết, chưa hợp lý, nhằm giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC.

### **5.2 Kiến nghị thực thi**

- Kiến nghị sửa đổi khoản 3, điều 7, Nghị định 67/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá (bãi bỏ điều kiện không cần thiết của TTHC: Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh).

### **5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.332.060 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.980.980 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.351.080 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,19%

## **II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

### **1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Kiến nghị: Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính: *Giấy chứng nhận mã số thuế.*

- Lý do: Cắt giảm điều kiện không cần thiết, chưa hợp lý, nhằm giảm chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, cá nhân.

#### **1.2 Kiến nghị thực thi**

- Kiến nghị sửa đổi Điểm b, khoản 3, Điều 27, Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

#### **1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 27.150.900 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 26.439.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 711.900 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,62%

## **2. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

### ***1.1. Nội dung đơn giản hóa***

- Kiến nghị: Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: *Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật);*

- Lý do: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ không cần thiết, nhằm giảm chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, cá nhân.

### ***1.2 Kiến nghị thực thi***

- Kiến nghị sửa đổi Khoản 3, Điều 20, Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

### ***1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa***

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 40.124.700 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 39.142.800 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 981.900 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,44% ./.